

Bản án số: 117/2017/HNGĐ - ST

Ngày: 27 - 7 - 2017

V/v: Ly hôn giữa chị C và anh B;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Chính;

2. Ông Nguyễn Tiến Phương.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:
Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 69/2017/TLST – HNGĐ, ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/QĐXXST –HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972; nơi đăng ký thường trú: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; nơi ở: Xóm 14, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm 7, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/4/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Ngọc B có tìm hiểu tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 19/6/2015 tại UBND xã X, huyện X. Trước khi kết hôn chị đã biết anh B có một đời vợ và hai con riêng nhưng đã ly hôn. Sau khi kết hôn khoảng 01 năm, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần anh B đánh chửi chị. Nguyên nhân là do tính T không hợp nhau, anh B thường xuyên uống rượu say và không tu chí làm ăn. Gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng anh B không chịu thay đổi. Từ ngày 29/02/2017 thì vợ chồng ly thân. Nay chị xác định cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn căng thẳng không thể đoàn tụ được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 09/5/2015 đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con, tự nguyện không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Tại đơn khởi kiện chị C trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ tài sản của ai, nhà đất vợ chồng ở chung là tài sản riêng của anh B nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa chị C bổ sung yêu cầu giải quyết về tài sản khi ly hôn, cụ thể chị yêu cầu anh B trả lại cho chị 3.000.000 đồng đã trả hộ anh B cho chị Hoàng Hồng D; địa chỉ: Xóm 8, xã X, huyện X và 15 chỉ vàng chị đã trả hộ anh B cho anh Đoàn Văn T, sinh năm 1971; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2017, bị đơn anh Nguyễn Ngọc B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí lời trình bày của chị C về việc kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn là do tính tính, lối sống hai bên không hợp nhau, vợ chồng chỉ xảy ra cãi chửi nhau chứ anh không đánh vợ. Đã nhiều lần chị C bỏ về bên ngoại ở, được gia đình khuyên giải lại quay về nhưng chỉ được thời gian ngắn lại mâu thuẫn nên anh cũng chán nản. Nay anh xác định không hòa hợp được với tính cách của chị C nên anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí với chị C về con chung. Nếu ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa đều đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, còn bị đơn chưa chấp hành đúng pháp luật, cố tình vắng mặt nhiều lần. Đối với việc nguyên đơn bổ sung yêu cầu giải quyết về tài sản khi ly hôn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu bổ sung của nguyên đơn là đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị giải quyết cho ly hôn giữa chị C và anh B; chấp nhận yêu cầu của chị C giao cho chị C trực tiếp nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung; chị C phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do chính đáng. Do đó căn cứ

điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Ngọc B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2015 nên có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian ngắn chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh B hay uống rượu say nên vợ chồng xảy ra xô sát. Từ tháng 02/2017 chị C và anh B ly thân. Gia đình cũng như cơ sở Xóm đã tác động hòa giải nhưng chị C, anh B không hàn gắn được tình cảm. Nay chị C xin ly hôn, anh B cũng nhất trí. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, các đương sự cũng không còn thiết tha đoàn tụ nên căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[3] *Về việc nuôi con chung*: Chị C và anh B thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 09/5/2015, đang ở với chị C. Chị C và anh B đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng với chị C, mặc dù chị C và anh B đều làm tự do nhưng chị C cũng có điều kiện thời gian và vật chất để chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt hơn anh B. Do đó cần giao cho chị C trực tiếp nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên anh B không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[4] *Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản*: Tại đơn khởi kiện chị C xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh B cũng thống nhất với chị C không yêu cầu giải quyết về tài sản. Tại phiên tòa chị C bổ sung yêu cầu giải quyết về tài sản khi ly hôn, chị yêu cầu anh B phải thanh toán cho chị các khoản đã trả nợ hộ anh B cho chị Nguyễn Thị D và anh Đoàn Văn T. Tuy nhiên đây là yêu cầu bổ sung vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Ngọc B cũng vắng mặt tại phiên tòa nên chưa có lời khai về vấn đề này. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bổ sung trên của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc B không phải chịu án phí ly hôn.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn và bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Các Điều 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Ngọc B.

2. Về việc nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Nguyễn Thị C tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Thị Hồng H, sinh ngày 09/5/2015;

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị C không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc B cấp dưỡng nuôi con chung; sau khi ly hôn anh Nguyễn Ngọc B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị C đã nộp theo Biên lai thu số 09324 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, chị Nguyễn Thị C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký tên, đóng dấu*)

Phạm Trung Kiên